SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT AN DƯƠNG

Biểu mẫu 3.2

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế, năm học 2021 - 2022

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I.1	**Số học sinh chia theo kết quả hạnh kiểm** *(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)*	1893	720	589	584
1	Tốt *(tỷ lệ so với tổng số)*	1876 99,1%	714 99,17%	585 99,15%	578 98,97%
2	Khá *(tỷ lệ so với tổng số)*	17 0,9%	6 0,83%	5 0,85%	6 1,03
3	Trung bình *(tỷ lệ so với tổng số)*	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
4	Yếu *(tỷ lệ so với tổng số)*	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
I.2	**Số học sinh chia theo kết quả rèn luyện** *(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)*				
1	Tốt *(tỷ lệ so với tổng số)*				
2	Khá *(tỷ lệ so với tổng số)*				
3	Đạt *(tỷ lệ so với tổng số)*				
4	Chưa đạt *(tỷ lệ so với tổng số)*				
II.1	**Số học sinh chia theo kết quả học tập** *(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011)*	1893	720	589	584
1	Giỏi *(tỷ lệ so với tổng số)*	1353 71,47%	484 67,22%	420 71,31%	449 76,88%
2	Khá *(tỷ lệ so với tổng số)*	505 26,68%	221 30,69%	153 25,98%	131 22,43%
3	Trung bình *(tỷ lệ so với tổng số)*	34 1,8%	15 2,08%	16 2,72%	3 0,51%
4	Yếu *(tỷ lệ so với tổng số)*	0 0%	0 0%	0 0%	1 0,171%
5	Kém *(tỷ lệ so với tổng số)*	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
II.2	**Số học sinh chia theo kết quả học tập** *(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)*				
1	Tốt *(tỷ lệ so với tổng số)*				
2	Khá *(tỷ lệ so với tổng số)*				
3	Đạt *(tỷ lệ so với tổng số)*				
4	Chưa đạt *(tỷ lệ so với tổng số)*				

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	1893	720	589	584
1	Lên lớp *(tỷ lệ so với tổng số)*	1893 100%	720 100%	589 100%	584 100%
1.1	*áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011*	1893	720	589	584
a	Học sinh giỏi *(tỷ lệ so với tổng số)*	1353 41,47%	484 67,22%	420 71,31%	449 76,88%
b	Học sinh tiên tiến *(tỷ lệ so với tổng số)*	505 26,68%	221 30,69%	153 25,98%	131 22,43%
1.2	*(áp dụng đối với học sinh được đánh giá theo Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/7/2021)*				
a	Học sinh xuất sắc *(tỷ lệ so với tổng số)*				
b	Học sinh giỏi *(tỷ lệ so với tổng số)*				
2	Thi lại/Học sinh kiểm tra, đánh giá lại các môn trong kỳ nghỉ hè *(tỷ lệ so với tổng số)*	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
3	Lưu ban *(tỷ lệ so với tổng số)*	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
4	Chuyển trường đi *(tỷ lệ so với tổng số)*	9 (0,48%)	7 (0,97%)	2 (0,34%)	
5	Chuyển trường đến *(tỷ lệ so với tổng số)*	11 (0,58%)	2 (0,28%)	8 (1,36%)	1 (0,17%)
6	Bị đuổi học *(tỷ lệ so với tổng số)*	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
7	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) *(tỷ lệ so với tổng số)*	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**				
1	Cấp huyện				
2	Cấp thành phố	70	2	6	62
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	584			584
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	584			584
1	Giỏi *(tỷ lệ so với tổng số)*				
2	Khá *(tỷ lệ so với tổng số)*				
3	Trung bình *(Tỷ lệ so với tổng số)*				
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)	496 84,93%			496 84,93%
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	717/1176	288/432	207/382	222/362
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	0	0	0	0

An Dương, ngày 12 tháng 9 năm 2022

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG AN DƯƠNG

HIỆU TRƯỞNG

Th.S. Ngô Quang Hoài